

Số: 24/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 01 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN
KHOÁ XXI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 26/7/2024 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 63/BC-KTXH ngày 29/7/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị năm 2024 với tổng số tiền **26.916.415.652** đồng (Hai mươi sáu tỷ, chín trăm mười sáu triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng), như sau:

1. Phân bổ hoàn trả 80% kinh phí hỗ trợ đã thực hiện thanh toán cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid - 19 theo Quyết định số 24/2022/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ cho Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, số tiền **133.200.000** đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh giao tại Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La.

2. Phân bổ bổ sung dự toán kinh phí cho Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn, số tiền **26.783.215.652** đồng (Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, hai trăm mười lăm nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng). Trong đó:

2.1. Dự toán chi thường xuyên: **24.443.003.452** đồng (Hai mươi tư tỷ, bốn trăm bốn mươi ba triệu, không trăm linh ba nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng).

2.2. Dự toán chi Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (1719): **2.340.212.200** đồng (Hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, hai trăm mười hai nghìn, hai trăm đồng).

Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh giao tại Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 21/07/2024 của UBND tỉnh Sơn La.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được HĐND huyện Mai Sơn khoá XXI, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười sáu thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường

Phụ lục I

Tổng hợp phân bổ bổ sung kinh phí cho Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn năm 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị đồng

Tổng dự toán Phân bổ kỳ này	Trong đó								Ghi chú
	Chi thường xuyên	Trong đó		Chuyển nguồn năm 2023-2024	Dự toán Sở Y tế giao năm 2024				
		Kinh phí giao tự chủ	Kinh phí không giao tự chủ		Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực dân tộc thiểu số		
26.783.215.652	24.443.003.452	18.491.503.452	5.951.500.000	2.340.212.200	1.276.212.200	257.000.000	452.000.000	355.000.000	Theo QĐ số 1436/QĐ-UBND ngày 21/7/2024 của UBND tỉnh Sơn La

Phụ lục II
BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị đồng

STT	Nội dung	Chuyển năm 2023 sang 2024	Dự toán giao đã giao năm 2024	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2024	Kinh phí đã sử dụng năm 2024	Dự toán phân bổ kỳ này	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4	5=3-4	D
	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MAI SON	32.198.454	37.512.432.300	37.544.630.754	13.101.627.302	24.443.003.452	
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	32.198.454	30.608.602.200	30.640.800.654	12.149.297.202	18.491.503.452	
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	-	6.903.830.100	6.903.830.100	952.330.100	5.951.500.000	
2.1.	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	-	6.169.830.100	6.169.830.100	952.330.100	5.217.500.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách túi thuốc y tế bản theo Nghị quyết số 38/2017/NQ - HĐND của HĐND tỉnh		307.500.000	307.500.000	-	307.500.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách Dân số theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh		1.653.000.000	1.653.000.000	686.000.000	967.000.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và kinh phí điều trị thay thế nghiện các dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone và Buprenorphine trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh		386.000.000	386.000.000		386.000.000	
-	Kinh phí thực hiện phụ nữ sinh con đúng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ		70.000.000	70.000.000		70.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 122/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh		75.000.000	75.000.000		75.000.000	
-	Tiền trực theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ		286.000.000	286.000.000		286.000.000	
-	Kinh phí thực hiện theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		126.000.000	126.000.000		126.000.000	
-	Kinh phí chỉnh lý hồ sơ tài liệu		1.200.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	

Handwritten signature

STT	Nội dung	Chuyển năm 2023 sang 2024	Dự toán giao đã giao năm 2024	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2024	Kinh phí đã sử dụng năm 2024	Dự toán phân bổ kỳ này	Ghi chú
-	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa Nhà 3 tầng Trung tâm Y tế, các Trạm Y tế (xã Mường Bon, xã Chiềng Lương) thuộc Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn (do công trình được xây dựng đưa vào sử dụng lâu năm và chưa được bảo dưỡng, sửa chữa, hiện nay đã xuống cấp). Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo công trình được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu, chống xuống cấp, cải thiện điều kiện công tác khám và điều trị chăm sóc khỏe và đảm bảo theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành trong năm 2024		1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000	
-	Kinh phí tinh giản biên chế lần 1 năm 2024		266.330.100	266.330.100	266.330.100	-	
2.2	Kinh phí dân số kế hoạch hóa gia đình	-	734.000.000	734.000.000	-	734.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh		101.000.000	101.000.000		101.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh (theo Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh)		48.000.000	48.000.000		48.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Hoạt động truyền thông về Dân số (theo Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh)		109.000.000	109.000.000		109.000.000	
-	Kinh phí thực hiện phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số đến năm 2030 (theo Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh)		18.000.000	18.000.000		18.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Chương trình củng cố PT&NC chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030 (theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh)		13.000.000	13.000.000		13.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 (theo Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh)		47.000.000	47.000.000		47.000.000	

STT	Nội dung	Chuyển năm 2023 sang 2024	Dự toán giao đã giao năm 2024	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2024	Kinh phí đã sử dụng năm 2024	Dự toán phân bổ kỳ này	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (theo Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh)		25.000.000	25.000.000		25.000.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số theo Nghị quyết 42/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh		373.000.000	373.000.000		373.000.000	

Handwritten signature

Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị đồng

STT	Nội dung	Chuyển năm 2023 sang 2024	Dự toán giao đã giao năm 2024	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2024	Kinh phí đã sử dụng năm 2024	Dự toán phân bổ kỳ này	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=1+2+3</i>	<i>5</i>	<i>6=4-5</i>	<i>D</i>
	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MAI SON	1.276.212.200	1.064.000.000	2.340.212.200	0	2.340.212.200	
	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án 7)	1.276.212.200	1.064.000.000	2.340.212.200	0	2.340.212.200	
1	Phụ lục I: Xây dựng và phát triển y tế có sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	233.692.400	257.000.000	490.692.400	0	490.692.400	
-	Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản	0	97.000.000	97.000.000		97.000.000	
-	Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm	233.692.400	160.000.000	393.692.400		393.692.400	
2	Phụ lục II: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	538.281.000	452.000.000	990.281.000	0	990.281.000	
-	Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia toàn xh tại vùng đồng bào dt thiểu số và miền núi	84.588.300	88.000.000	172.588.300		172.588.300	
-	Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh	145.028.400	74.000.000	219.028.400		219.028.400	
-	Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới	272.470.000	148.000.000	420.470.000		420.470.000	
-	Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	31.040.000	40.000.000	71.040.000		71.040.000	

JRP

STT	Nội dung	Chuyển năm 2023 sang 2024	Dự toán giao đã giao năm 2024	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2024	Kinh phí đã sử dụng năm 2024	Dự toán phân bổ kỳ này	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	$4=1+2+3$	<i>5</i>	$6=4-5$	<i>D</i>
-	Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.154.300	102.000.000	107.154.300		107.154.300	
3	Phụ lục III: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	504.238.800	355.000.000	859.238.800	0	859.238.800	
-	Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho bà mẹ- trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	440.794.300	200.000.000	640.794.300		640.794.300	
-	Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em		106.000.000	106.000.000		106.000.000	
-	- Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em	63.444.500	49.000.000	112.444.500		112.444.500	

Handwritten signature